

Bản án số: **124/2024/HS-ST**

Ngày 25 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn (Giáo viên nghỉ hưu)

2. Bà Nguyễn Thị Tin (Giáo viên nghỉ hưu).

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Hồng Đ**, sinh ngày 30/9/2006 tại thành phố Hà Nội; tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKH và nơi ở: Số nhà 19, Ngõ 216, phố Nguyễn L, phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Công H, sinh năm 1966; mẹ đẻ Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 03/10/2024 - 09/10/2024, được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Nguyễn Hữu K, sinh ngày 28/3/2006; địa chỉ: Khu 5, phường H, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

+ Anh Phạm Hoàng T, sinh ngày 24/7/2006; địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 40, phố P, phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: số 15, ngõ 98, đường C, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2004; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hồng Đ là sinh viên học tại Trường Đại học Đ, thành phố Hà Nội. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng tháng 4/2023, Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân qua mạng xã hội. Để phục vụ cho hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình, Trương Hồng Đ khai khi ở nhà riêng Đ đã dùng điện thoại Iphone 13 Pro màu xanh lên mạng xã hội Facebook, vào hội nhóm mua bán tài khoản Facebook mua một tài khoản của một người không quen biết với giá 150.000 đồng. Tiếp đó, Trương Hồng Đ nhờ bạn là Nguyễn Hữu K, sinh năm 2006, trú tại phường Hải Hòa thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh mua một tài khoản ngân hàng thì K đồng ý lên mạng Facebook mua của một người không quen biết 01 tài khoản mở tại ngân hàng Techcombank, có số tài khoản 8863689999999, chủ tài khoản có tên là Nguyễn Văn T, sinh năm 2004, trú tại thôn Tân Hòa, xã Tân Liên, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị. Để thuận tiện cho việc lừa đảo và tạo sự tin tưởng của người dân, Trương Hồng Đ đã đổi tên tài khoản Facebook mua trước đó thành tên “Thắng Nguyễn”. Sau đó Đ tiếp tục lên mạng xã hội Facebook mua một Group của một người không quen biết và tiếp nhận quyền Quản trị viên Group từ người bán này, Đ đã đổi tên Group thành tên “PASS VÉ XEM PHIM-BOOK VÉ GIÁ RẺ” với mục đích lừa đảo tiền của người khác thông qua việc mua bán vé xem phim.

Ngày 26/5/2024, khi vào Group “PASS VÉ XEM PHIM-BOOK VÉ GIÁ RẺ”, Đức thấy tài khoản Facebook tên “Hoàng H” - đó là tài khoản của chị Hoàng Thị H đăng bài viết trong Group với nội dung tìm vé xem phim giá rẻ cho học sinh. Thấy vậy, Đ dùng tài khoản Facebook tên “Thắng N” nhắn tin qua Messenger cho tài khoản “Hoàng H”. Quá trình nói chuyện Đ bảo với chị Hồng là Đ mua được vé xem phim có giá rẻ hơn so với giá thị trường và đề nghị chị Hồng kết bạn qua Zalo để thuận tiện trao đổi. Sau đó, Đ sử dụng tài khoản Zalo tên “Thắng Nguyễn” nhắn tin cho chị H trao đổi và thống nhất giá của mỗi vé xem combo (bao gồm bỏng và nước) là 64.000 đồng. Chị H đồng ý mua 50 vé

xem combo, ngày 28/5/2024, tại rạp chiếu phim Beta Bắc Giang với tổng số tiền là 3.200.000 đồng. Sau khi chốt vé và giá thì Đ yêu cầu chị H chuyển số tiền 3.200.000 đồng vào tài khoản 8863689999999, mở tại ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Văn T mà Đ đang sử dụng thì chị H đồng ý và nhờ cô Hoàng Thị L là giáo viên chủ nhiệm lớp 7B trường Trung học cơ sở T, thành phố Bắc Giang chuyển khoản 3.200.000đ cho Đ vào lúc 12 giờ 36 phút ngày 27/5/2024. Sau khi nhận được tiền thì Đ đã lấy thông tin 50 vé xem phim ngày 27/5/2024 trên mạng rồi gửi cho chị H. Sau khi nhận được thông tin vé thấy sai ngày nên chị H yêu cầu Đ đổi vé sang ngày 28/5/2024. Lúc này, Đ yêu cầu chị H chuyển số tiền khác để đặt lại vé, còn số tiền trước đó sẽ được rạp chiếu phim chuyển lại sau. Đến 15 giờ 01 phút ngày 28/5/2024, chị H tiếp tục chuyển khoản cho Đ số tiền 512.000 đồng để đặt mua 08 vé xem phim. Sau khi nhận được tiền, Đ đã nhờ Phạm Hoàng T, sinh năm 2006, trú tại phường Ph, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội mua 08 vé xem phim tại rạp chiếu phim Beta Bắc Giang, sau đó Đ chuyển thông tin 08 vé xem phim này cho chị H kiểm tra. Sau đó Đ yêu cầu chị H chuyển số tiền còn lại là 2.688.000 đồng để đặt 42 vé xem phim thì đến 15 giờ 18 phút ngày 28/5/2024 chị H chuyển khoản 2.688.000 đồng cho Đ. Ngay sau khi nhận được số tiền do chị H chuyển vào tài khoản 8863689999999, mở tại ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Văn T thì Đ đã chặn các tài khoản Zalo, Facebook của chị H liên lạc đến để chiếm đoạt tổng số tiền 6.400.000đ của chị Hoàng Thị H.

Ngày 01/10/2024, chị Hoàng Thị H làm đơn trình báo đến Công an huyện Yên Dũng đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng làm rõ và xử lý hành vi chiếm đoạt tài sản của Trương Hồng Đ.

Ngày 03/10/2024, Trương Hồng Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân, giao nộp: 01 điện thoại Iphone 13 Pro màu xanh, Đ khai sử dụng liên lạc lừa đảo chị Hồng.

Ngày 04/10/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Yên Dũng ra khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Hồng Đ tại số nhà 19, ngõ 216, phố N, phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội nhưng không thu giữ gì.

Ngày 25/10/2024, Trương Hồng Đ đã bồi thường cho chị Hoàng Thị H số tiền 6.400.000 đồng, chị H đã nhận tiền không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại Iphone 13 Pro, màu xanh, số imeil: 0359349736964923 của Đ sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo quy định của

pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Trương Hồng Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSYD ngày 12/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Trương Hồng Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung, diễn biến Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Hồng Đ từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trương Hồng Đ cho UBND xã phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Đối 01 điện thoại Iphone 13 Pro, màu xanh, số imei: 0359349736964923 của Trương Hồng Đ là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, hình phạt.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở lại hòa nhập với cộng đồng và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Do vậy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố thì thấy: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trương Hồng Đ, sinh ngày 30/9/2006, trú tại số nhà 19, ngõ 216, phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Bằng thủ đoạn lên không gian mạng mua tài facabook và tài khoản ngân hàng mang tên người khác rồi thông qua hình thức bán vé xem phim trên không gian mạng, Trương Hồng Đ đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tổng số tiền 6.400.000 đồng, trong đó ngày 26/5/2024 là 3.200.000 đồng và ngày 28/5/2024 là 3.200.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 04/CT-VKSYD ngày 12/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo Trương Hồng Đ theo tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đưa ra thông tin giả, không đúng sự thật làm bị hại tin đó là sự thật và đã chuyển khoản 02 lần vào tài khoản của bị cáo với tổng số tiền 6.400.000đồng. Sau khi nhận được tiền bị cáo đã cố tình trốn tránh, chặn Zalo, facebook liên lạc với bị hại để chiếm đoạt số tiền đó dùng vào mục đích cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt vào ngày 26 và ngày 28/5/2024 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội biết hành vi của mình bị phát hiện nên đã ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội trong độ tuổi vị thành niên nên nhận thức còn hạn chế, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội sau này, đồng thời cũng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về

áp dụng án treo. Hội đồng xét xử thấy cho bị cáo hưởng án treo và theo mức hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, hiện bị cáo đang là sinh viên sống phụ thuộc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, đến nay bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối 01 điện thoại Iphone 13 Pro, màu xanh, số imeil: 0359349736964923 của Trương Hồng Đ là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Hữu K, quá trình điều tra làm rõ khi Đức nhờ Kiên mua tài khoản ngân hàng Techcombank, có số tài khoản 8863689999999, chủ tài khoản có tên là Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 2004, trú tại thôn Tân Hòa, xã Tân Liên, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị thì Kiên đặt mua trên mạng Facebook, K không biết Đ mua tài khoản sử dụng vào mục đích lừa đảo nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý Kiên.

Đối với Phạm Hoàng T, quá trình điều tra làm rõ là người được Đ nhờ mua 08 vé xem phim của ngày 28/5/2024 tại rạp chiếu phim Beta Bắc Giang, việc T mua 08 vé xem phim là thật, T không biết Đ lừa đảo chiếm đoạt tiền chi H nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T là chủ tài khoản ngân hàng số 8863689999999, mở tại ngân hàng Techcombank, quá trình điều tra làm rõ tài khoản được mở online, chưa được định danh, Nguyễn Văn T không phải người mở tài khoản ngân hàng, không bán tài khoản ngân hàng cho Trương Hồng Đ nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Hồng Đ 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024).

Giao bị cáo Trương Hồng Đ cho Ủy ban nhân dân phường P, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Trương Hồng Đ.

3. Về vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 13 Pro, màu xanh, số imeil: 0359349736964923 đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Hồng Đ phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của

Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; người TGT;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy